

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/DS-ST.

Ngày: 28-8-2017.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng dân sự
về vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Được, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2016/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2017, Thông báo thay đổi ngày xét xử số 02/TB- TA ngày 15/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khóm V, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Yến ủy quyền lại cho bà Phùng Thị Đ, sinh năm 1982 (Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2016), có mặt.

Địa chỉ: Khóm V, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Đặng Thị Phương D, sinh năm 1979, vắng mặt;

Nguyễn Công C, sinh năm 1976, có đơn xin giải quyết vắng mặt;

Địa chỉ: Khóm V, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Phùng Thị Đ, sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: Khóm V, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Phùng Thị Đ đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:

Vào ngày 20/6/2016 (âm lịch) bà Y có cho bà D vay số tiền là 5.000.000đ, tiền ngày. Đến ngày 24/6/2016 (âm lịch) vay tiếp số tiền là 10.000.000đ, hạn trong vòng 30 ngày sẽ hoàn trả lại. Đến ngày 29/6/2016 (âm lịch) vay tiếp số tiền là 5.000.000đ, tiền ngày (10 ngày). Đến ngày 3/7/2016 (âm lịch) vay tiếp số tiền là 10.000.000đ, hạn 40 ngày sẽ hoàn trả lại. Tổng cộng 4 lần vay với tổng số tiền là 30.000.000đ, tất cả đều có làm biên nhận, từ khi vay đến nay chưa trả được.

Do bà D vay tiền để buôn bán phục vụ nhu cầu gia đình và còn trong thời kỳ hôn nhân với ông C nên bà Phùng Thị Đ đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc Y yêu cầu bà Đặng Thị Phương D và ông Nguyễn Công C có trách nhiệm liên đới trả cho Nguyễn Thị Ngọc Y số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng theo từng biên nhận cho đến khi giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

- Bà Đặng Thị Phương D vắng mặt nhưng theo tờ tường trình và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Phương D trình bày:

Bà có vay tiền của bà Đ để buôn bán, biên nhận ngày 24/6/2016 (âm lịch) số tiền là 10.000.000đ, biên nhận ngày 03/7/2016 (âm lịch) số tiền là 10.000.000đ, tổng cộng hai biên nhận là 20.000.000đ, góp 800.000đ/ngày, góp trong vòng 30 ngày. Biên nhận ngày 26/6/2016 (âm lịch) số tiền 5.000.000đ và biên nhận ngày 29/6/2016 (âm lịch) số tiền là 5.000.000đ, tổng cộng là 10.000.000đ, mỗi ngày góp cho chị Đ số tiền là 900.000đ, do góp chưa xong nên bà chưa lấy lại biên nhận, hai biên nhận này bà cho rằng góp còn nợ lại 9 ngày $\times$ 400.000đ/lần = 3.600.000đ, bà không còn khả năng góp nữa, bà xin bà Đ giảm tiền lãi, bà hứa trả 5.000.000đ, còn lại từ từ bà trả, bà Đ không đồng ý, bà Đ yêu cầu bà phải trả đủ số tiền, nếu không sẽ thừa bà số tiền theo biên nhận 30.000.000đ, khi làm biên nhận bà Đ bảo bà làm biên nhận ghi tên Nguyễn Thị Ngọc Y.

- Ông Nguyễn Công C có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng tại tờ tường trình trình bày:

Trong thời gian chung sống với ông, D có mượn nợ của bà Y hay Đ gì đó ông hoàn toàn không hay biết, Dung chưa bao giờ nói với ông là có mượn nợ tiền của ai cả, tiền của D mượn làm gì thì ông không biết, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì chỉ có ông là người chịu trách nhiệm hoàn toàn không liên quan gì đến số tiền mà D mượn nợ của ai, ông hoàn toàn không biết Y là ai và ở đâu nên ông không có trách nhiệm cùng D trả số tiền trên.

- Bà Phùng Thị Đ trình bày:

Số tiền trên là do Y cho D vay, bà chỉ là người nhận tiền từ bà Y và mang đưa cho D, bà không có nhận tiền góp hay trả của D gì cả. D nói đã trả xong số tiền 20.000.000đ của biên nhận ngày 24/6/2016 (âm lịch) và biên nhận

ngày 03/7/2016 (âm lịch) và nói là đưa trực tiếp cho bà là hoàn toàn không có, bà và Y không nhận tiền trả hay góp gì của D cả.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y đối với bà Đặng Thị Phương D và ông Nguyễn Công C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà D, ông C cùng cư trú tại khóm V, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đ đại diện theo ủy quyền của bà Y đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, bị đơn bà D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do và ông C có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[2] Về mối quan hệ pháp luật: Bà Y yêu cầu bà D và ông C có có trách nhiệm liên đới trả cho bà Y số tiền vay còn thiếu 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng theo từng biên nhận cho đến khi giải quyết xong vụ án nên xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Y là có căn cứ chấp nhận, căn cứ để bà Y đưa ra để chứng minh yêu cầu của bà là các biên nhận: “biên nhận ngày 20/6/2016 (âm lịch)”, vay số tiền 5.000.000đ, “biên nhận ngày 24/6/2016 (âm lịch)” vay số tiền 10.000.000đ, “biên nhận ngày 29/6/2016 (âm lịch)” vay số tiền 5.000.000đ, “biên nhận ngày 03/7/2016 (âm lịch)” vay số tiền 5.000.000đ, tổng cộng 04 biên nhận với tổng số tiền là 30.000.000đ từ ngày vay đến nay chưa trả. Đối với bà D vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà D thừa nhận có vay tiền của bà Y số tiền là 30.000.000đ đúng như lời bà Y trình bày nhưng bà cho rằng không trực tiếp giao dịch với bà Y mà trực tiếp giao dịch với bà Đ và khi làm biên nhận thì ghi nợ bà Y, số tiền trên bà cho rằng đã trả được 20.000.000đ, bằng cách góp mỗi ngày 800.000đ, thời gian góp 30 ngày của biên nhận ngày 24/6/2016 (âm lịch), số tiền 10.000.000đ và biên nhận ngày 03/7/2016 (âm lịch), số tiền 10.000.000đ còn lại 10.000.000đ của hai biên nhận ngày 20/6/2016 (âm

lịch) và biên nhận ngày 29/6/2016 (âm lịch) bà góp mỗi lần 900.000đ, góp chưa xong và còn nợ lại 9 lần, mỗi lần 400.000đ = 3.600.000đ, lời bà D trình bày là không có căn cứ vì biên nhận ngày 24/6/2016 (âm lịch) hẹn trong vòng 30 ngày sẽ hoàn trả lại và biên nhận ngày 03/7/2016 (âm lịch), hẹn 40 ngày sẽ hoàn trả lại nhưng bà cho rằng góp mỗi ngày 800.000đ với thời gian 30 ngày là không phù hợp, đáng lẽ ra bà phải trả tiền trước của biên nhận ngày 20/6/2016 (âm lịch), tiền ngày, số tiền là 5.000.000đ là biên nhận đầu tiên và 29/6/2016 (âm lịch), tiền ngày (10 ngày), số tiền 5.000.000đ vì hai biên nhận này thể hiện tiền ngày, số tiền ít; hơn nữa số tiền của hai biên nhận này, bà cho rằng góp còn nợ lại 3.600.000đ, không có khả năng trả nữa nên xin bà Đ giảm tiền lãi, bà hứa trả 5.000.000đ còn lại trả từ từ, lời khai của bà mâu thuẫn với nhau, ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án thì bà không có chứng cứ gì để chứng minh là đã trả được 20.000.000đ, bà Y và bà Đ cũng không thừa nhận là nhận tiền của bà trả nên không có căn cứ chứng minh bà đã trả 20.000.000đ, nên buộc bà trả 30.000.000đ cho bà Y là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Công C vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì ông không thống nhất trả theo yêu cầu của bà Y vì ông cho rằng ông hoàn toàn không hay biết việc vay tiền trên, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì chỉ có ông là người chịu trách nhiệm, ông hoàn toàn không liên quan gì đến số tiền mà D mượn nợ của bà Y nên ông cho rằng ông không có trách nhiệm cùng D trả số tiền trên cho bà Y là không có căn cứ chấp nhận vì thời điểm bà D vay tiền là tháng 6 và tháng 7/2016 (âm lịch) thì bà D còn sống chung với ông C, ông bà không có biểu hiện gì làm ăn riêng tư, hơn nữa bà D cho rằng vay tiền mục đích là để buôn bán phù hợp với lời khai của Đ nên ông C cho rằng ông không biết và không liên quan là không có căn cứ. Như vậy, trong thời kỳ hôn nhân bà D vay tiền để buôn bán nhằm tăng thu nhập của gia đình nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng, vì vậy buộc ông C cùng trách nhiệm cùng bà D trả số tiền trên là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi, bà Y yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng theo từng biên nhận của số tiền 30.000.000đ là phù hợp theo Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Cụ thể như sau:

Biên nhận ngày 20/6/2016 (âm lịch) nhằm ngày 23/7/2016 (dương lịch), số tiền là 5.000.000đ X 402 ngày (23/7/2016 – 28/8/2017) X 0,83%/tháng = 556.000đ.

Biên nhận ngày 24/6/2016 (âm lịch) nhằm ngày 27/7/2016 (dương lịch), số tiền là 10.000.000đ X 398 ngày (27/7/2016 – 18/8/2017) X 0,83%/tháng = 1.101.000đ.

Biên nhận ngày 29/6/2016 (âm lịch) nhằm ngày 01/8/2016 (dương lịch), số tiền là 5.000.000đ X 393 ngày (01/8/2016 – 28/8/2017) X 0,83%/tháng = 543.000đ.

Biên nhận ngày 03/7/2016 (âm lịch) nhằm ngày 05/8/2016 (dương lịch), số tiền là 10.000.000đ X 389 ngày (05/8/2016 – 28/8/2017) X 0,83%/tháng = 1.076.000đ.

Như vậy, tổng số tiền lãi của 4 biên nhận là: 3.276.000đ (Ba triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Y được chấp nhận nên bà Đặng Thị Phương D và ông Nguyễn Công C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban thường vụ Quốc hội số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, vợ chồng ông C và bà D có trách nhiệm trả 33.276.000đ thì phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 33.276.000đ X 5% = 1.663.800đ (Một triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban thường vụ Quốc hội số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc Y đối với bà Đặng Thị Phương D và ông Nguyễn Công C.

Buộc bà Đặng Thị Phương D và ông Nguyễn Công C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y số tiền vay gốc còn thiếu là 30.000.000đ và tiền lãi là 3.276.000đ. Tổng cộng: 33.276.000đ (Ba mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban thường vụ Quốc hội số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

+ Bà Đặng Thị Phương D và ông Nguyễn Công C phải liên đới nộp 1.663.800đ (Một triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Y không phải nộp tiền án phí, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 763.000đ (Bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số BN/2013 09046 ngày 16 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng các bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường